

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 841/2017/DS-ST

Ngày: 10/7/2017

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuân Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Hề**

2. Bà **Võ Thị Hoài Nam**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Duy Dũng** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/7/2017 và ngày 10/7/2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2014/TLST-DS ngày 11/3/2014 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 955/2017/QĐ-ST ngày 17/5/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3281/2017/QĐ-ST ngày 12/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Minh T**, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974 (có mặt)

Bị đơn:

1. Bà **Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P)**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Germany

2. Bà **Võ Thị Minh L (Trịnh Minh L)**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: France

Đại diện theo ủy quyền của bà L: ông Võ Minh T1, sinh năm 1973 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Lâm T2, sinh năm 1959 (có mặt)
2. Ông Võ Lâm T3, sinh năm 1961 (vắng mặt)
Địa chỉ: M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Võ Thị Minh T4, sinh năm 1960 (vắng mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Võ Minh T5, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: M1, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn ông Võ Minh Trí và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Nhà đất (A+A1) M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản do ông Võ Văn B để lại. Ông Võ Văn B (chết năm 2011) và bà Dương Thị N (chết năm 2011) có tất cả 07 người con, gồm:

1. Ông Võ Lâm T2, sinh năm 1959
2. Bà Võ Thị Minh T4, sinh năm 1960
3. Ông Võ Lâm T3, sinh năm 1961
4. Ông Võ Minh T, sinh năm 1962
5. Bà Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P), sinh năm 1967
6. Bà Võ Thị Minh L (Trịnh Minh L), sinh năm 1968
7. Ông Võ Minh T5, sinh năm 1973

Ông Ban chết có để lại di chúc lập ngày 17/7/2007 để lại nhà đất trên cho các ông bà Võ Minh T, Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P), Võ Thị Minh L (Trịnh Minh L).

Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, đối với nhà đất trên, được hưởng 1/3 di sản thừa kế của ông B để lại. Ngoài ra yêu cầu ông Võ Lâm T2 ra khỏi nhà đất tranh chấp trả lại di sản thừa kế cho các đồng thừa kế.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21/6/2016 và biên bản hòa giải ngày 06/7/2016 bị đơn bà Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P), bà Võ Thị Minh L (Trịnh Minh L) trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất, nhân thân vợ và con ông B, việc ông B để lại di chúc cho ông T và hai bà.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, các bà đồng ý chia thừa kế theo di chúc lập ngày 17/7/2007 của ông B để lại. Di sản là nhà đất M, Phường N, quận

P, Thành phố Hồ Chí Minh chia làm ba phần bằng nhau cho Võ Minh T, Võ Thị Minh P, Võ Thị Minh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Lâm T2 trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về nhân thân vợ và con ông B.

Nhà đất A do mẹ ông là bà Dương Thị N mua năm 1982 để cho bà Võ Thị Minh L đứng tên, sau đó mua thêm nhà đất số A1 để cho ông Võ Minh T đứng tên. Năm 1992 bà L xuất cảnh nên sang tên nhà đất cho cha ông là ông Võ Văn B.

Ngày 26/9/2016 ông có đơn yêu cầu độc lập về việc được hưởng 1/7 kỷ phần thừa kế trong 1/2 nhà đất M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của bà Dương Thị N chết để lại, không đồng ý chia theo di chúc của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Lâm T2 trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về nhân thân vợ và con ông B.

Ông yêu cầu được hưởng 1/7 kỷ phần thừa kế trong 1/2 nhà đất M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của bà Dương Thị N chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh T1 trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất, nhân thân vợ và con ông B, việc ông B để lại di chúc cho ông T và các bà Võ Thị Minh P, Võ Thị Minh L. Yêu cầu Tòa giải quyết theo pháp luật, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Minh T4 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ đến Tòa để làm việc, tham dự phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Tuy nhiên đến nay bà vẫn không có mặt cũng như không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa:

Ông N đại diện ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi ông T2 ra khỏi nhà vì hiện nay ông T2 không còn ở tại nhà đất 96/2 Phan Đình Phùng.

Ông T1 và là đại diện của bà L đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Ông T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Bà T4 và ông T3 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông T2. Do bà N chết sau ông B nên bà được hưởng một suất thừa kế bắt buộc bằng 2/3 của một suất thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào di chúc của ông B. Phần di sản này của bà N chia đều cho 07 người con. Phần còn lại chỉ theo di chúc của ông B cho ông T, bà Phụng, bà L.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: bị đơn bà Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P) cư trú tại Đức và bà Võ Thị Minh L (Trịnh Minh L) cư trú tại Pháp nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Ông Võ Lâm T2 được bà Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P) ủy quyền, tại biên bản hòa giải ngày 19/9/2016 ông T2 với tư cách là đại diện cho bà P vẫn đồng ý chia thừa kế theo di chúc do ông B để lại. Tuy nhiên ngày 26/9/2016 và tại biên bản hòa giải ngày 07/10/2016 ông T2 có đơn yêu cầu độc lập về việc được hưởng 1/7 kỷ phần thừa kế trong ½ nhà đất M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của bà Dương Thị N chết để lại.

Xét thấy yêu cầu độc lập của ông Võ Lâm T2 mâu thuẫn với quyền lợi của bà Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P) nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 1033/TB-TA ngày 07/4/2017 về việc không chấp nhận ủy quyền của bà Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P) cho ông Võ Lâm T2 theo Giấy ủy quyền số công chứng 012543 quyền số 7 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2016 của Văn phòng công chứng Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà P đã có trình bày ý kiến, yêu cầu của mình ngày 21/6/2016 và ngày 06/7/2016: yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông B.

Ông T3, bà T4 đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T3 và bà T4 theo luật định.

Vợ ông T là bà Nguyễn Thị X và bà Trần Thị Y là người ở nhờ một phần nhà đất trên, không yêu cầu tham gia tố tụng, không có ý kiến, yêu cầu gì về nhà đất mà các bên tranh chấp, các đương sự trong vụ kiện cũng yêu cầu tự giải quyết với bà X, bà Y nên không cần thiết phải đưa họ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Di chúc ngày 17/7/2007 do ông Võ Văn B lập tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn đúng các quy định của pháp luật và phát sinh hiệu lực sau khi ông B chết. Ông B chết ngày 14/6/2011.

Tuy nhiên do bà N vợ ông B chết ngày 15/11/2011 sau ông B nên căn cứ Điều 669 Bộ luật dân sự năm 2005 bà N được hưởng một suất thừa kế bắt buộc bằng 2/3 suất thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào di chúc. Do vậy nhà đất M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh được chia cho bà N một suất thừa kế bằng 2/3 suất thừa kế theo pháp luật, còn lại mới chia theo di chúc cho ông T, bà P, bà L.

Bà N chết ngày 15/11/2011 nên phần di sản của bà là phần thừa kế bà được hưởng của ông B sẽ chia đều cho 07 người con gồm các ông bà: T2, T4, T3, T, P, L, T1.

Cha mẹ bà N đã chết trước bà N.

Xét yêu cầu của ông T2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nhà đất M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh do ông T và bà L đứng tên sở hữu. Ngày 15/01/1999 ông T, bà L ký hợp đồng tặng cho riêng một mình ông B nên đây là tài sản riêng của ông B, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà N.

Do vậy việc ông T2 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ nhà đất trên phần của bà N đều cho 07 người con là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa các đương sự đều khai không có khả năng nhận nhà đất và trả phần giá trị cho các thừa kế khác.

Ông T có ông N đại diện, ông T1 và là đại diện cho bà L, ông T2 đều thống nhất giao nhà đất cho cơ quan chức năng đấu giá, phát mãi để chia theo kỷ phần tại thời điểm thi hành án, định giá nhà đất để tính án phí.

Căn cứ biên bản định giá ngày 26/12/2016 thì nhà đất trên trị giá 6.063.955.500 đồng, chia thành 08 phần sẽ bằng 757.944.437 đồng.

2/3 của 1/8 phần của bà N là 505.329.625 đồng (tương ứng 8,33%).

$505.329.625 : 7 = 72.189.946$ đồng (tương ứng 1,19%)

Như vậy các ông bà T, P, L, T2, T1, T3, T4 mỗi người được hưởng thừa kế của bà N là 1,19% trị giá nhà đất bằng 72.189.946 đồng.

Phần còn lại 91,67% chi làm 3 cho ông T, bà P, bà L mỗi người 1/3 là 30,56% trị giá nhà đất.

Tổng cộng ông T, bà P, bà L mỗi người được chia $1,19\% + 30,56\% = 31,75\%$ trị giá nhà đất (tương ứng 1.925.305.871 đồng).

Do vậy chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và một phần yêu cầu độc lập của ông T2 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí: các bên chịu trên phần thừa kế được hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Điều 37, 48, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 652, 657, 658, 669, 676 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh T.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Võ Lâm T2.

1. Xác định nhà đất M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Võ Văn B để lại.

- Những người được hưởng thừa kế theo di chúc của ông B gồm: ông Võ Minh T, bà Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P), bà Võ Thị Minh L (Trịnh Minh L) mỗi người hưởng 30,56% giá trị nhà đất.

- Người được hưởng thừa kế của ông B không phụ thuộc vào di chúc là vợ ông B: bà Dương Thị N. Bà N được hưởng một suất thừa kế bắt buộc không phụ thuộc vào di chúc bằng $\frac{2}{3}$ một suất thừa kế theo pháp luật là 8,33% trị giá nhà đất.

- Những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của bà N gồm: ông Võ Minh T, bà Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P), bà Võ Thị Minh L (Trịnh Minh L), ông Võ Lâm T2, ông Võ Lâm T3, ông Võ Minh T1, bà Võ Thị Minh T4 mỗi người hưởng 1,19% giá trị nhà đất.

Tổng cộng ông Võ Minh T, bà Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P), bà Võ Thị Minh L (Trịnh Minh L) mỗi người hưởng 31,75% trị giá nhà đất.

Giao toàn bộ nhà đất trên cho cơ quan thi hành án hoặc thừa phát lại đấu giá phát mãi để chia thừa kế cho các bên.

Sau khi trừ các chi phí, còn lại được chia theo các tỷ phần như trên.

Thi hành án ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông bà Võ Lâm T2, Võ Lâm T3, Võ Minh T1, Võ Thị Minh T4 mỗi người phải chịu 3.609.000 đồng (Ba triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng).

Các ông bà Võ Minh T, Võ Thị Minh P (Lê Thị Minh P), Võ Thị Minh L (Trịnh Minh L) mỗi người phải chịu 63.772.000 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Võ Minh T số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu số AG/2010/06568 ngày 03/3/2014 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Võ Lâm T2 số tiền 5.350.000 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0031263 ngày 29/9/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi phí ủy thác tư pháp, đo vẽ, định giá ông T chịu, đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bà P được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, bà T4, ông T3 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Xuân Trang